PHỤ LỤC
ATTACHMENT

(Kèm theo quyết định số: 1630/QĐ-VACI ngày 29 tháng 09 năm 2025 của Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam)

Phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm vật liệu và kiểm định xây dựng**

Laboratory *Construction materials and testing laboratory*

Cơ quan chủ quản: **Liên hiệp Khoa học Địa chất kiểm định nền móng xây dựng Sài Gòn**

Holding organization: *Saigon Union of Science on Geology Construction Foundation Verification*

Lĩnh vực: **Thử nghiệm Cơ, Vật liệu xây dựng, Không phá hủy**

Field: *Mechanical, Civil engineering, Non-Destructive testing*

Người phụ trách/ *Representative*: **Trương Nguyễn Thái Duy**

Người có thẩm quyền ký/ *Approved signatory:*

TT	Họ và tên/*Full name*	Phạm vi được ký/*Scope*
1.	**Trần Thế Thanh**	Tất cả các phép thử được công nhận (Tổng Giám đốc) *All accredited tests (Gereral Director)*
2.	**Trương Nguyễn Thái Duy**	Tất cả các phép thử được công nhận *All accredited tests*
3.	**Đinh Viết Tâm**	Tất cả các phép thử được công nhận *All accredited tests*

Số hiệu/*Code*: **VALAS 182**

Hiệu lực công nhận/*Period of Validation*: **29/09/2030**

Địa chỉ trụ sở/*Headquarters Location:*

Số 6 Đường 27, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

No 6, 27 street, An Lac Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Địa chỉ phòng thí nghiệm/*Lab Location:*

758/25/7 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

No 758/25/7 Xo Viet Nghe Tinh, Thanh My Tay Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Số điện thoại/*Phone*: 0283 9 572 591 Email: lasxd498@saigonunion.com

Lĩnh vực: Thử nghiệm Cơ

Field: Mechanical testing

STT/ *No*	**Tên sản phẩm/ vật liệu được thử/** *Name of product/material tested*	**Tên phép thử cụ thể/** *Specific test name*	**Phạm vi đo/ Giới hạn định lượng (nếu có)/** *Measuring range/Quantification limit (if any)*	**Phương pháp thử/** *Test method*
1.	**Vật liệu Kim loại** *Metallic materials*	Thử kéo *Tensile testing*	(0 đến 2000) kN *(0 to 2000) kN*	TCVN 197-1:2014; TCVN 7937-1:2013; TCVN 7937-2:2013; TCVN 7937-3:2013; ISO 6892-1:2019; ISO 15630-1:2019; ISO 15630-2:2019; ISO 15630-3:2019; ISO 4136-2022; ASTM A370-24
2.		Thử uốn *Bend test*	(0 đến 2000) kN *(0 to 2000) kN*	TCVN 198:2008; TCVN 7937-1:2013; TCVN 7937-2:2013; TCVN 7937-3:2013; ISO 15630-1:2019; ISO 15630-2:2019; ISO 15630-3:2019; ISO 7438:2020; ASTM A370-24
3.	**Bu lông** *Bolts*	Kiểm tra độ bền kéo *Tensile testing*	(0 đến 2000) kN *(0 to 2000) kN*	ISO 6892-1:2019; BS 3692:2014; BS 7419:2012; ISO 898-1:2013
4.	**Sơn** *Paint*	Thử bám dính *Adhesion test*	(0 đến 10) kN *(0 to 10) kN*	ISO 4624:2023; ASTM D4541-22
5.	**Mối hàn** *Weld*	Thử kéo ngang *Transverse tensile test*	(0 đến 1000) kN *(0 to 1000) kN*	TCVN 8310:2010; ISO 4136:2022
6.		Thử kéo dọc *Longitudinal tensile test*	(0 đến 1000) kN *(0 to 1000) kN*	TCVN 8311:2010; ISO 5178:2019

Lĩnh vực: Thử nghiệm Vật liệu xây dựng

Field: Civil Engineering testing

STT/ *No*	**Tên sản phẩm/ vật liệu được thử/** *Name of product/material tested*	**Tên phép thử cụ thể/** *Specific test name*	**Phạm vi đo/ Giới hạn định lượng (nếu có)/** *Measuring range/Quantification limit (if any)*	**Phương pháp thử/** *Test method*
1.	**Bê tông** *Concrete*	Xác định cường độ chịu nén *Determine compressive strength*	(0 đến 3000) kN *(0 to 3000) kN*	TCVN 3118:2022; ASTM C39/C39M-24; ASTM C42/C42M-20; EN 12390-3:2019; EN 12504-1:2019

Lĩnh vực: Thử nghiệm Không phá hủy

Field: Non-Destructive testing

STT/ *No*	**Tên sản phẩm/ vật liệu được thử/** *Name of product/material tested*	**Tên phép thử cụ thể/** *Specific test name*	**Phạm vi đo/ Giới hạn định lượng (nếu có)/** *Measuring range/Quantification limit (if any)*	**Phương pháp thử/** *Test method*
1.	**Mối hàn** *Weld*	Thử nghiệm không phá hủy mối hàn – Phương pháp từ tính (MT) *Non-destructive testing of welds – Magnetic method (MT)*	-	TCVN 4396-1,2,3:2018; ASTM E709-21; AWS D1.1/D1.1M:2025; ISO 17638:2016
2.		Thử nghiệm không phá hủy mối hàn – Phương pháp siêu âm (UT) *Non-destructive testing of welds – Ultrasonic method (UT)*	-	TCVN 6735:2018; AWS D1.1/D1.1M:2025; ISO 17640:2018
3.		Thử nghiệm không phá hủy mối hàn – Phương pháp thẩm thấu (PT) *Non-destructive testing of welds – Penetrant testing (PT)*	-	ASME Section V:2023; TCVN 4617-2:2018 (ISO 3452-2:2013)

STT/ *No*	**Tên sản phẩm/ vật liệu được thử/** *Name of product/material tested*	**Tên phép thử cụ thể/** *Specific test name*	**Phạm vi đo/ Giới hạn định lượng (nếu có)/** *Measuring range/Quantification limit (if any)*	**Phương pháp thử/** *Test method*
4.	**Lớp phủ** *Coating*	Xác định chiều màng sơn khô *Determination of dry film thickness*	(0 đến 1250) µm *(0 to 1250) µm*	TCVN 9406:2012; ASTM E376-19; ISO 2178:2016; ISO 2808:2019
5.		Xác định chiều dày lớp phủ mạ kẽm *Determination of galvanized coating thickness*	(0 đến 1250) µm *(0 to 1250) µm*	TCVN 5878:2007; ASTM A123/A123 M-24; ISO 1461:2022

Ghi chú / *Note*:

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam/ *Vietnam standard.*
- ISO: Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế/ *International Organization for Standardization*
- ASTM: Hiệp hội thử nghiệm và vật liệu Hoa kỳ/ *American Society for Testing Materials*
- AWS: Hiệp hội hàn Hoa Kỳ/ *American Welding Society*
- EN: Tiêu chuẩn châu âu/ *European Standard*

Trường hợp **Phòng thí nghiệm vật liệu và kiểm định xây dựng - Liên hiệp Khoa học Địa chất kiểm định nền móng xây dựng Sài Gòn** cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm hàng hóa thì phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *In case of providing product quality testing services, Construction materials and testing laboratory - Saigon Association of Geological Sciences inspects construction foundations must register and be granted a certificate of operation registration in accordance with the law before providing this service.*